

THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ TÍNH BÌNH ĐẲNG TRONG QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

GS.TS. Phạm Thành Nghị

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Thái độ của người dân phù hợp hay không so với chuẩn đánh giá có ý nghĩa thúc đẩy hay cản trở việc thực thi chính sách phát triển con người (PTCN). Bài viết đã phân tích thực trạng thái độ của người dân về tính bình đẳng và cho thấy thái độ của người dân ủng hộ bình đẳng chưa cao, chưa đồng đều trên các mặt và chưa rõ ràng trong mọi tình huống. Người trẻ tuổi, người có học vấn cao có thái độ ủng hộ bình đẳng nhiều hơn. Người miền Nam có xu hướng ủng hộ bình đẳng cao hơn người miền Bắc. Đã có sự chuyển hóa thái độ về tính bình đẳng theo hướng phù hợp hơn, nhưng nhìn chung cần có sự cải thiện thái độ cho phù hợp hơn với yêu cầu PTCN.

Đặt vấn đề

Chính sách của quốc gia có được đưa vào thực tiễn hay không phụ thuộc rất nhiều vào thái độ của người dân và sự tham gia của họ vào thực hiện các chính sách đó. Những biến đổi trong thế giới quan của công chúng có thể tác động làm thay đổi thực tiễn, thay đổi đời sống kinh tế, chính trị và xã hội thông qua chính hoạt động của họ. Các nghiên cứu giá trị cho thấy những thay đổi trong hệ thống niềm tin của công chúng đang dẫn tới những kết quả kinh tế, chính trị và xã hội quan trọng. Trong cuốn sách của mình, Inglehart (2008) đã chứng minh rằng, có mối liên kết mạnh mẽ giữa các hệ thống niềm tin và các biến số chính trị và kinh tế xã hội như nền dân chủ hoặc nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Các biến đổi trong thế giới quan phản ánh sự biến đổi trong môi trường kinh tế và chính trị nhưng chúng diễn ra chậm hơn về thời gian và độc lập đáng kể theo những động thái riêng. Những gì liên quan đến PTCN, quan niệm của người dân về tính bình đẳng có ý nghĩa quan trọng, do người dân tham gia thực thi chính sách, tác động hàng ngày đến việc đạt được các mục tiêu bình đẳng trong chính sách PTCN. Ý kiến của họ phù hợp hay không phù hợp so với chuẩn mực đánh giá PTCN có ý nghĩa thúc đẩy hay cản trở việc thực thi chính

sách đó, tác động đẩy nhanh hay làm chậm lại tiến trình đạt được các mục tiêu PTCN. Bài viết này phân tích thực trạng thái độ của người dân Việt Nam về tính bình đẳng trong quan điểm PTCN, chỉ ra những khoảng cách, những bất cập về thái độ và xu hướng thay đổi thái độ trong quá trình phát triển tiến tới mục tiêu PTCN.

1. Bình đẳng trong quan điểm phát triển con người

Mahbub ul Haq (1995), người khởi thảo Báo cáo phát triển con người đầu tiên vào năm 1990 đã đưa ra 4 chiều cạnh cơ bản để đánh giá sự PTCN trong ấn phẩm “*Bàn về phát triển con người*” (Reflections on Human Development). Đó là tính công bằng, tính bền vững, tính hiệu quả và sự trao quyền, trong đó, tính bình đẳng được hiểu là sự tiếp cận như nhau tới các cơ hội phát triển của tất cả mọi người. Phát triển mà thiếu bình đẳng có nghĩa là hạn chế sự lựa chọn của rất nhiều người trong xã hội. Tùy thuộc vào mức độ bất bình đẳng đến mức nào, quá trình phát triển có thể sẽ tước đi quyền của một số nhóm người nào đó trong xã hội. Bình đẳng cần được hiểu là bình đẳng về cơ hội, không nhất thiết phải bình đẳng về kết quả, bình đẳng về cơ hội không phải lúc nào cũng dẫn đến sự lựa chọn giống nhau hay kết quả giống nhau. Thực ra, sự đa dạng hóa đầu ra trong cuộc sống cho thấy, các cơ hội bình đẳng thường dẫn đến kết quả không bằng nhau. Bình đẳng về cơ hội tiếp cận chính trị và kinh tế phải được xem như những quyền cơ bản của con người trong quan điểm phát triển. Sự bình đẳng có thể xem xét theo giới, vùng miền, tộc người. Thái độ của người dân về bình đẳng ở đây được xem là những đánh giá của họ, ủng hộ hay không ủng hộ những cơ hội của các nhóm người khác nhau tới các hoạt động, dịch vụ cũng như sự phát triển.

2. Những kết quả phân tích thái độ người dân về tính bình đẳng trong PTCN

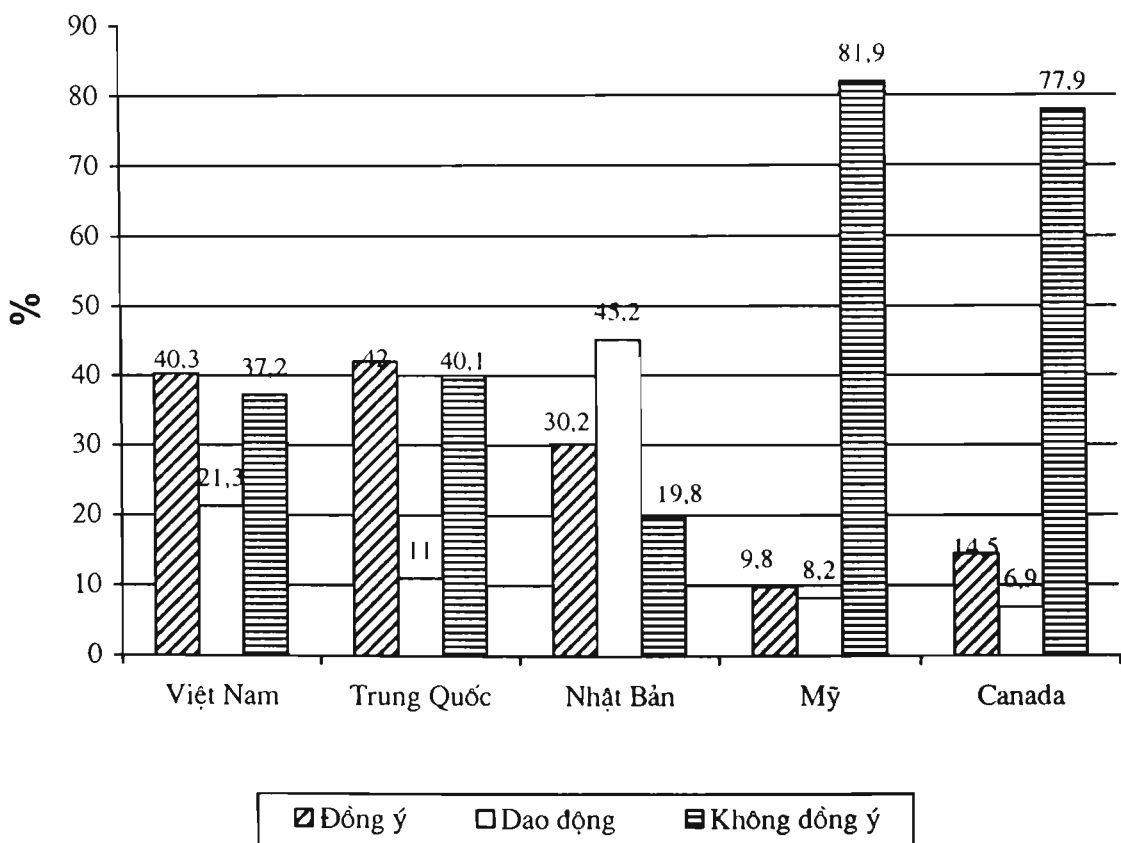
Những phân tích trong bài viết này sử dụng số liệu thu được trong cuộc điều tra giá trị thế giới (WVS) 2007 tại Việt Nam để làm rõ thái độ của người dân về bình đẳng giới, về sự công bằng, bình đẳng trong thu nhập, bình đẳng trong quan hệ, giao tiếp, ứng xử giữa những người có xuất thân từ các nhóm xã hội khác nhau. Những người trả lời được lựa chọn theo quy trình chọn mẫu xác suất ngẫu nhiên nhiều bước và được kiểm định về mặt thống kê để họ có thể đại diện cho người dân Việt Nam đưa ra ý kiến về các vấn đề liên quan. Những phân tích dưới đây tập trung vào làm rõ (1) Thái độ về bình đẳng giới trong việc làm và thu nhập, (2) Thái độ về bình đẳng giữa những nhóm người khác nhau trong thu nhập và việc làm.

2.1. Thái độ về bình đẳng giới trong việc làm và thu nhập

Trong hệ giá trị truyền thống, nam giới được coi trọng hơn nữ giới, vì vậy cơ hội phát triển, cơ hội việc làm đối với nam giới luôn cao hơn nữ giới.

Thái độ trọng nam khinh nữ vẫn đang tồn tại khá phổ biến trong người dân Việt Nam hiện nay. Thái độ này đang có dấu hiệu thay đổi theo chiều hướng tích cực, ngày càng có nhiều người ủng hộ bình đẳng giới trong cơ hội việc làm, thu nhập, nâng cao học vấn.

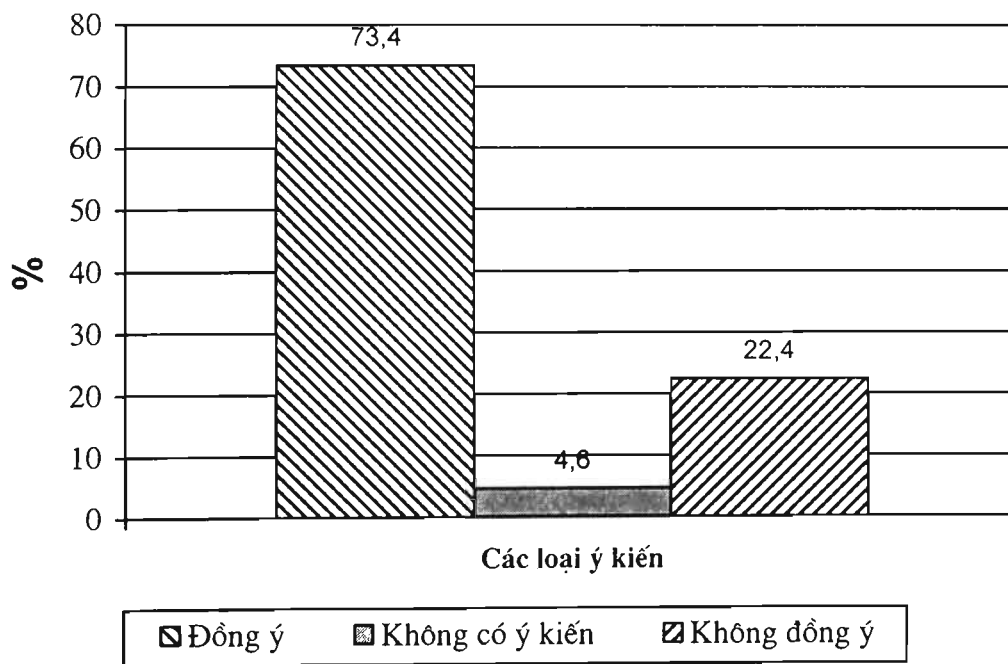
Phản ứng với tuyên bố “Khi công việc khan hiếm, đàn ông có quyền có việc làm hơn”, 40,3% người trả lời chọn phương án đồng ý, 37,2% người trả lời chọn phương án không đồng ý và 21,2% không có ý kiến gì. Khi phân tích theo độ tuổi, nhóm người trên 50 tuổi có xu hướng ủng hộ quan điểm phân biệt giới cao hơn những nhóm người trả lời trẻ tuổi hơn, đặc biệt, nhóm người dưới 30 tuổi. Điểm trung bình của 2 nhóm này tương ứng là 1,85 và 2,05; 1 điểm - ủng hộ quan điểm phân biệt giới, 3 điểm - phản đối quan điểm này. Những người có học vấn cao hơn có quan điểm tiến bộ hơn, ít ủng hộ quan điểm phân biệt giới, cụ thể là nhóm người có trình độ đại học trở lên phản đối quan điểm này nhiều hơn những người có trình độ tiểu học (điểm trung bình tương ứng là 2,05 và 1,78). Một điều thú vị được phát hiện ở đây là người miền Bắc ủng hộ quan điểm phân biệt giới cao hơn người sống ở miền Nam, với điểm trung bình tương ứng là 1,85 và 1,99.



Biểu đồ 1: Khi công việc khan hiếm, đàn ông có quyền có việc làm hơn

So sánh quốc tế dùng số liệu thu được từ các cuộc điều tra tương tự diễn ra ở các nước cho thấy, thái độ của người dân Trung Quốc và Nhật Bản khá giống với thái độ của người dân Việt Nam về việc ưu tiên nam giới có việc làm khi công việc khan hiếm với điểm trung bình tương ứng là 1,84; 1,80 và 1,92; trong khi đó người dân Mỹ và Canada phản đối tuyên bố này khá mạnh mẽ với điểm trung bình tương ứng là 2,71 và 2,62 (biểu đồ 1). Điều này có thể lý giải rằng, mặc dù Nhật Bản là nước có trình độ cao về phát triển về kinh tế, xã hội và con người, nhưng người dân Nhật vẫn còn duy trì văn hoá gia đình truyền thống khá mạnh mẽ. Nhiều phụ nữ Nhật Bản vẫn ở nhà làm nội trợ và chính sách của chính phủ cũng như các tổ chức dân sự vẫn còn khuyến khích tổ chức gia đình kiểu này. Trung Quốc và Việt Nam lại khá giống nhau về mặt văn hoá và đây là cơ sở để người dân có quan điểm gần nhau về vấn đề bình đẳng giới. Trong khi đó, người dân Mỹ và Canada có thái độ bình đẳng giới rất cao, có tới 81,9% người trả lời ở Mỹ và 77,9% người trả lời ở Canada phản đối việc ưu tiên việc làm cho nam giới khi công việc khan hiếm.

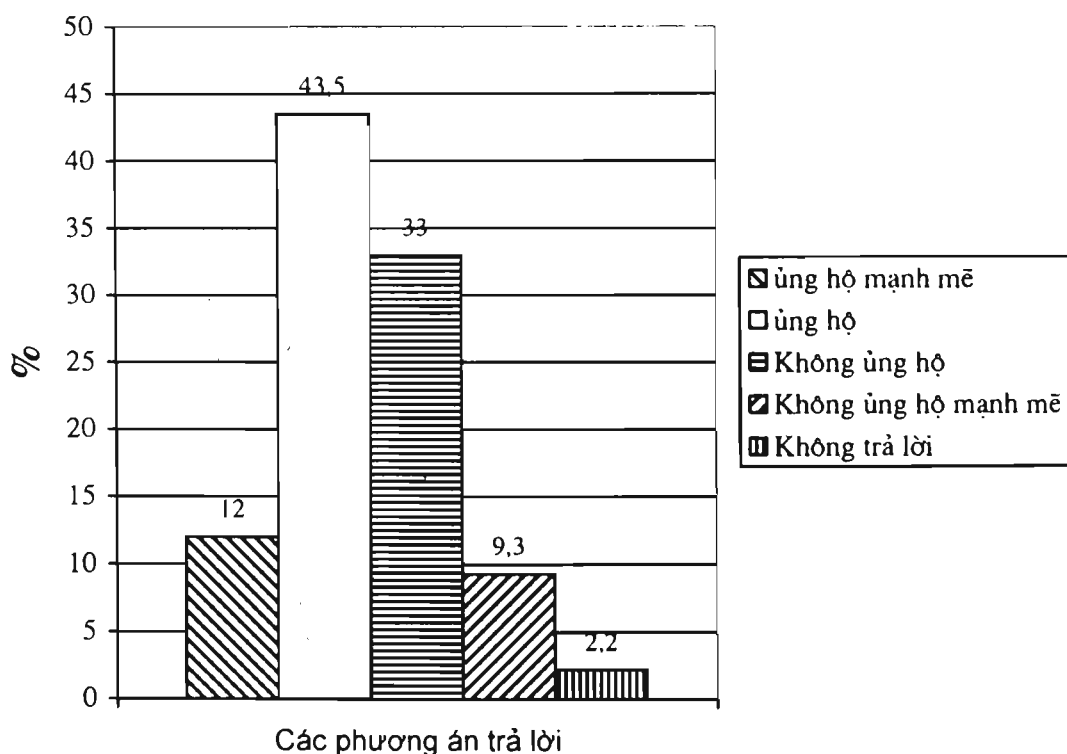
Quan niệm nữ giới phải làm nội trợ, nam giới được làm công việc xã hội vẫn còn tồn tại khá phổ biến trong người dân Việt Nam. Theo quan niệm này, người phụ nữ phải coi việc làm nội trợ cũng hứng thú như đi làm cơ quan. Trả lời câu hỏi “Làm nội trợ, phụ nữ cũng thấy hài lòng như đi làm hưởng lương”, 73,4% số người trả lời Việt Nam đồng ý, 22,4% người trả lời không đồng ý (biểu đồ 2).



Biểu đồ 2: Làm nội trợ cũng hài lòng như đi làm công ăn lương

Khi phân tích theo học vấn, có thể phát hiện thấy những người có học vấn thấp có xu hướng đồng ý với ý kiến này nhiều hơn. Điểm trung bình của nhóm chưa có học vấn tiểu học là 1,30; nhóm có học vấn tiểu học là 1,95; nhóm có học vấn trung học là 1,94 và nhóm có học vấn đại học trở lên là 2,17. Có sự khác biệt có ý nghĩa về ý kiến của nhóm người trả lời là nam giới và nhóm người trả lời là nữ giới. Nam giới đồng ý với quan điểm này cao hơn nữ giới, điểm trung bình tương ứng là 1,82 và 2,05.

Trong lịch sử Việt Nam, đất nước theo triết lý đạo khổng, thì cơ hội làm chính trị và quản lý được dành cho nam giới. Chính thực tiễn đó đã ảnh hưởng đến thái độ của người dân về vấn đề này. Lựa chọn phương án trả lời cho tuyên bố “Nói chung, nam giới lãnh đạo chính trị tốt hơn nữ giới”, 12% người trả lời “ủng hộ mạnh mẽ”, 43,5% “ủng hộ”, 33% “không ủng hộ” và 9,3% số người trả lời không ủng hộ mạnh mẽ; số còn lại (2,2%) không trả lời (biểu đồ 3). Rõ ràng có một tỷ lệ cao người trả lời không cho rằng phụ nữ có khả năng lãnh đạo chính trị, tuy nhiên đã có một tỷ lệ không nhỏ người trả lời không đồng ý với quan điểm này. Quan điểm phản đối này chắc chắn sẽ được củng cố khi ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia hoạt động chính trị và rất nhiều người trong số họ đã thành công.



Biểu đồ 3: Nam giới lãnh đạo chính trị tốt hơn nữ giới

So sánh thái độ của người dân Việt Nam với thái độ của người dân các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ và Canada về khả năng lãnh đạo vượt trội của nam giới so với nữ giới cho thấy, thái độ người dân Việt Nam khá gần với thái độ người dân Trung Quốc về vấn đề này với điểm trung bình tương ứng là 2,33 và 2,46 (1 là hoàn toàn ủng hộ và 4 là hoàn toàn phản đối), trong khi đó, người dân Mỹ và Canada có thái độ khác nhiều với người Việt Nam với điểm trung bình tương ứng là 2,92 và 2,98.

Phản ứng với tuyên bố “Nam giới làm kinh doanh tốt hơn nữ giới”, hơn một nửa số người trả lời (57,1%) không đồng ý, 41% số người trả lời đồng ý và 2,9% số người không thể hiện thái độ dứt khoát trong lựa chọn phương án trả lời. Đã có sự khác biệt trong nhìn nhận khả năng kinh doanh của phụ nữ; đa số người trả lời đã công nhận khả năng này của chị em. Những người trẻ tuổi và những người có học vấn cao có xu hướng không đồng ý với tuyên bố này với tỷ lệ cao hơn.

Tương tự như vậy, khi nói rằng học vấn đại học quan trọng với nam giới hơn nữ giới, chỉ có 22,4% số người trả lời đồng ý với ý kiến này, trong khi đó có tới 78,1% số người trả lời phản đối. Rõ ràng, những người tham gia trả lời đã nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đại học đối với phát triển con người nói chung và với phụ nữ nói riêng. Những người có học vấn càng cao càng có xu hướng không đồng ý với tuyên bố này nhiều hơn.

So sánh thái độ của người dân Việt Nam với người dân Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ và Canada về vai trò của giáo dục đại học đối với phụ nữ cho thấy có sự tương đồng cao về quan điểm của người dân các quốc gia khác nhau này. Người dân Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ và Canada đều phản đối quan điểm cho rằng, giáo dục đại học quan trọng hơn đối với nam giới so với nữ giới với điểm trung bình tương ứng là 2,95; 3,07; 2,88; 3,30 và 3,36. Thái độ phản đối quan điểm này của người dân Mỹ và Canada mạnh hơn ba nước còn lại thể hiện mức độ bình đẳng giới cao ở hai quốc gia này.

Tóm lại, sự phân biệt giới trong thái độ của người dân Việt Nam vẫn còn khá nặng nề, tuy nhiên trong một số nội dung, người dân có thái độ tiến bộ. Sự khác biệt về thái độ này có thể thấy ở nhóm người có học vấn cao, ở những người trong nhóm tuổi trẻ hơn và ở những người trả lời sống ở những địa bàn có thời gian tiếp cận thị trường nhiều hơn và có văn hoá cởi mở hơn. Khi so sánh thái độ của người dân Việt Nam với thái độ của người dân các quốc gia khác về chiều cạnh bình đẳng giới, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt thái độ phụ thuộc vào trình độ phát triển. Thái độ người dân các nước kém phát triển có xu hướng ủng hộ phân biệt giới nhiều hơn, trong khi thái độ người dân các nước phát triển có xu hướng ủng hộ bình đẳng giới cao hơn. Mặt khác, sự gần gũi về văn hoá có quan hệ trực tiếp đến sự giống nhau về thái độ của người dân về quan điểm bình đẳng giới.

2.2. Thái độ về bình đẳng giữa những nhóm người khác nhau trong thu nhập và việc làm

Phản ứng với quan điểm cho rằng, người làm việc tốt hơn có thu nhập tốt hơn, tuyệt đại đa số (87,1%) người trả lời ủng hộ việc trả lương cao hơn cho người làm việc tốt hơn và chỉ có 7,4% số người trả lời phản đối việc này, số còn lại dao động trong lựa chọn phương án trả lời. Như vậy, người Việt Nam nhìn chung ủng hộ việc trả lương theo kết quả công việc, theo đóng góp của người lao động.

Theo nhóm tuổi, những người có độ tuổi dưới 30 tuổi và từ 30 - 49 tuổi ủng hộ việc trả lương theo kết quả công việc cao hơn nhóm người có độ tuổi trên 50 với điểm trung bình tương ứng là 0,96; 0,95 và 0,84 (1 điểm là ủng hộ, 0 điểm là phản đối).

Phân tích theo trình độ học vấn, những người có học vấn cao hơn có xu hướng ủng hộ mạnh mẽ việc trả lương cao hơn cho người làm việc tốt hơn so với nhóm người trả lời có học vấn thấp hơn. Mức độ ủng hộ thể hiện ở điểm trung bình của các nhóm chưa có học vấn tiểu học, có học vấn tiểu học, có học vấn trung học, có học vấn đại học trở lên tương ứng là 0,53; 0,82; 0,98 và 0,94.

Tuy nhiên, khi được yêu cầu thể hiện quan điểm về việc lựa chọn xây dựng xã hội, nơi mọi người có thu nhập ngang nhau hay tạo ra xã hội có sự khác biệt trong thu nhập để tạo động lực, người trả lời Việt Nam ủng hộ sự phân hoá thu nhập chưa thật rõ ràng, với điểm trung bình là 5,79, trên thang 10 điểm, 1 điểm ủng hộ sự phân bố đều nhau và 10 điểm ủng hộ sự phân hoá trong thu nhập. Những người có học vấn cao hơn có chiều hướng ủng hộ phân hoá thu nhập cao hơn. Điểm trung bình của các nhóm có học vấn không chính quy, tiểu học, trung học và đại học tương ứng là 3,68; 4,88; 6,09 và 6,88. Người trả lời miền Bắc ủng hộ phân hoá thu nhập cao hơn người miền Nam, điểm trung bình của hai nhóm người trả lời này tương ứng là 6,23 và 5,34.

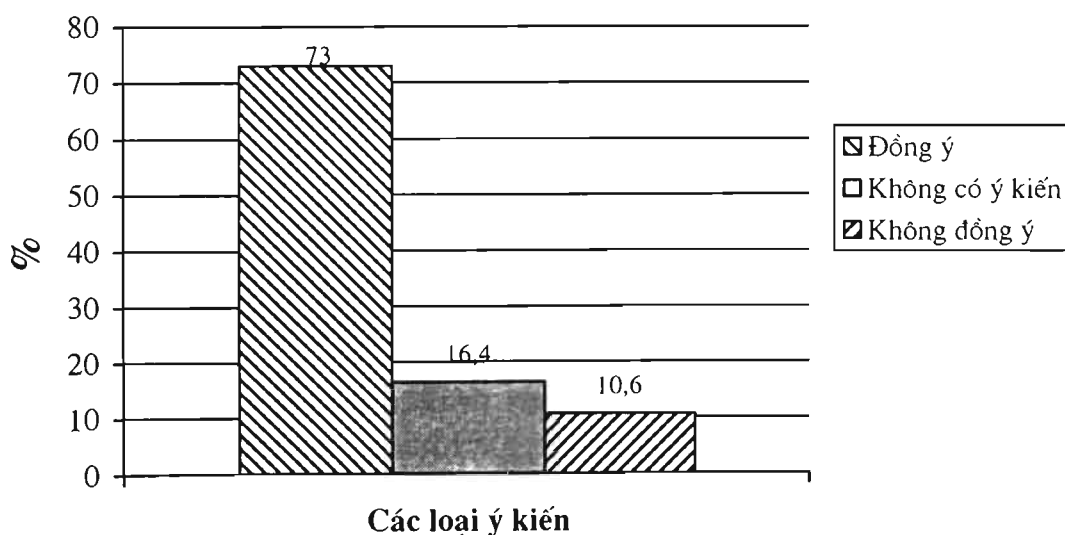
So sánh quốc tế cho thấy, không có sự khác biệt lớn về thái độ của người dân các nước về quan điểm xây dựng một xã hội có thu nhập đều nhau hơn hay một xã hội có thu nhập khác biệt lớn hơn. Điểm trung bình về thái độ của người dân Trung Quốc - 6,26; Nhật Bản - 5,71; Mỹ - 5,72; Canada - 5,44. Người dân các nước có chung mong muốn tạo ra một xã hội có thu nhập khác nhau không lớn để đảm bảo tính công bằng và cơ hội phát triển cho mọi người.

Câu hỏi: “Ông (Bà) có đồng ý rằng, phải đánh thuế người có thu nhập cao để trợ giúp người nghèo hay không?” được đưa ra để phát hiện thái độ của người dân về tính công bằng thông qua phân bổ lại thu nhập. Trên thang 10 điểm, 1 là không nên và 10 là nên đánh thuế người có thu nhập cao, người trả lời Việt Nam có thái độ rất rõ ràng về việc cần đánh thuế thu nhập người giàu để giúp đỡ người nghèo với điểm trung bình là 7,46. Nhóm người trả lời có độ

tuổi dưới 30 có xu hướng ủng hộ đánh thuế thu nhập nhiều hơn so với nhóm người có độ tuổi 29 - 49 và trên 50 với điểm trung bình tương ứng là 7,83; 7,35 và 7,28. Điều đặc biệt là có sự khác biệt ý kiến giữa nhóm người trả lời là nam giới và nhóm người trả lời là nữ giới với điểm trung bình tương ứng là 7,68 và 7,22. Nhóm người trả lời là nữ giới có xu hướng ủng hộ phân hoá thu nhập nhưng ít quyết liệt hơn so với nhóm người trả lời là nam giới. Không có sự khác biệt có ý nghĩa nào giữa các nhóm học vấn ở câu trả lời này.

Tương tự như câu hỏi ở trên, khi người trả lời được hỏi liệu rằng những người thất nghiệp có cần được trợ cấp thất nghiệp từ Chính phủ hay không? Trên thang 10 điểm, 1 điểm là không và 10 là có, điểm trung bình của nhóm người trả lời Việt Nam là 7,88 thể hiện sự ủng hộ rõ ràng về trợ cấp thất nghiệp cho người mất việc làm. Những người có học vấn cao có xu hướng ủng hộ mạnh mẽ hơn.

Trả lời tuyên bố: “Khi công việc khan hiếm, người tuyển dụng cần ưu tiên người Việt Nam hơn người nhập cư?”, có tới 73% số người được hỏi đồng ý với quan điểm này, 10,6% không đồng ý và 16,4% dao động trong lựa chọn một trong hai phương án trả lời (biểu đồ 2). Điểm trung bình chung là 1,32 thể hiện sự ủng hộ rất cao (1 là ủng hộ, 3 là phản đối). Theo trình độ học vấn, nhóm có học vấn cao có xu hướng không đồng ý cao hơn. Điểm trung bình của nhóm chưa có học vấn tiểu học, có học vấn tiểu học, có học vấn trung học và có học vấn đại học trở lên tương ứng là 1,06; 1,29; 1,31 và 1,52. Người trả lời sống ở miền Bắc có xu hướng đồng ý với tuyên bố này cao hơn người trả lời miền Nam.



Biểu đồ 4: Những người tuyển dụng cần ưu tiên công việc cho người Việt Nam hơn người nhập cư

So sánh quốc tế về thái độ của người dân Việt Nam với thái độ người dân Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ và Canada cho thấy, điểm trung bình của người Việt Nam thấp nhất (1,32), tiếp đến là Trung Quốc (1,51), Nhật Bản (1,57), Mỹ (1,91) và cao nhất là Canada (2,03). Rõ ràng người dân các nước phát triển, có văn hoá cởi mở (Mỹ, Canada) có chiều hướng dễ chấp nhận lao động nhập cư hơn người dân Việt Nam và Trung Quốc, họ thể hiện thái độ cởi mở, bình đẳng hơn về cơ hội của những người có quốc tịch khác về công ăn việc làm. Thái độ của người trả lời Nhật Bản không khác biệt là mấy so với thái độ của người dân Trung Quốc.

Tóm lại, người dân Việt Nam có xu hướng ủng hộ một xã hội công bằng hơn, ít phân hoá giàu nghèo, ủng hộ đánh thuế người giàu, giúp đỡ người nghèo, ủng hộ cung cấp trợ cấp thất nghiệp cho người mất việc. Sự khác biệt thái độ giữa các nhóm theo độ tuổi và nhóm học vấn là khá rõ ràng. Sự khác biệt còn tìm thấy trong thái độ của người dân miền Bắc và người dân miền Nam. Người dân các nước phát triển có xu hướng cởi mở hơn đối với người lao động nhập cư, họ ủng hộ người nhập cư có cơ hội như người bản xứ, trong khi đó người dân Việt Nam khá nhạy cảm với vấn đề này. Đa số người trả lời Việt Nam ủng hộ ưu tiên công việc cho người dân sở tại khi công việc khan hiếm.

Kết luận

Có thể nói, những phân tích thái độ của người dân về tính bình đẳng trong quan điểm phát triển con người cho thấy thái độ ủng hộ bình đẳng chưa cao, chưa đồng đều trên các mặt và chưa rõ ràng trong mọi tình huống. Ở đâu đó đã có sự chuyển hóa thái độ phù hợp với yêu cầu về tính bình đẳng theo tiêu chí đánh giá PTCN, nhưng nhìn chung cần có sự cải thiện thái độ về tính bình đẳng cho phù hợp hơn với yêu cầu PTCN. Có xu hướng người trẻ tuổi, người có học vấn cao có thái độ ủng hộ bình đẳng nhiều hơn trong PTCN. Người miền Nam có xu hướng ủng hộ bình đẳng cao hơn trong PTCN so với cư dân miền Bắc. Thái độ của người dân các nước phát triển cởi mở hơn trong chấp nhận sự bình đẳng trong PTCN. Có thể đi đến một kết luận chung là xu hướng thay đổi thái độ của người dân đến mục tiêu bình đẳng đang diễn ra một cách từ từ qua chuyển đổi thế hệ, qua tăng cường học vấn, qua thay đổi văn hoá. Sự chuyển đổi đó theo quy luật từ những giá trị truyền thống sang những giá trị duy lý, từ những giá trị sinh tồn sang những giá trị tự biểu đạt. Phát triển con người đòi hỏi không chỉ thay đổi các chỉ số đánh giá khách quan như tăng thu nhập, cải thiện các điều kiện cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục mà cần hướng vào thay đổi nhận thức, thái độ của người dân về sự bình đẳng. Sự thay đổi thái độ của người dân về bình đẳng tự nó đã là một dấu hiệu của sự phát triển, nhưng sự thay đổi thái độ này còn có tác động thúc đẩy quá trình PTCN diễn ra nhanh hơn, hiệu

quả hơn, bền vững hơn thông qua việc các cấp quản lý trao quyền cho người dân và chấp nhận vai trò chủ thể của người dân trong quá trình phát triển.

Tài liệu tham khảo

1. Haq M.U., *Reflections on Human Development*, How the focus of development economics shifted from national income accounting to people-centered policies, told by one of the chief architects of the new paradigm, New York: Oxford University Press, 1995.
2. Inglehart R., *Hiện đại hoá và hậu hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, 2008.
3. United Nation Development Programme, *Human Development Report 1990*, UNDP, New York, 1990.